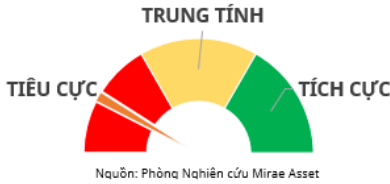


21 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,042.91	-0.6	1.0	-23.9
HNX	206.92	0.2	1.9	-43.6
UPCOM	77.99	0.2	3.1	-25.6
MSCI EM	989.79	-0.1	3.9	-8.9
NIKKEI	28,564.37	-0.3	6.0	3.7
HANG SENG	20,042.12	-1.7	4.1	-3.1
KOSPI	2,544.40	-0.7	6.5	-6.7
FTSE	7,906.25	0.0	4.9	3.6
S&P 500	4,129.79	-0.6	3.2	-6.0
NASDAQ	12,059.56	-0.8	1.7	-8.5

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.8	1.7	13.7
Indonesia	15.8	1.9	12.0
Philippines	14.4	1.6	10.1
Malaysia	15.0	1.3	10.3
Thái Lan	19.2	1.5	8.2

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	0	-81	57
TPCP 10 năm	3.3	-2	-50	22

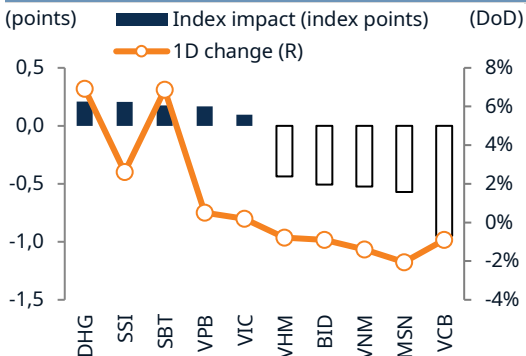
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,494	0.0	-0.4	2.3
US\$/KRW	1,327.9	0.4	1.3	6.9
US\$/JPY	134.0	-0.1	1.2	4.4
US\$/EUR	0.91	0.1	-1.8	-1.2
US\$/GBP	0.81	0.3	-1.5	5.0
US\$/SGD	1.33	0.2	-0.1	-2.1

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	239	426	407
HNX	36	52	43
UPCOM	18	17	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Bên bán mất kiên nhẫn

Trong tuần 17-21/04 mốc 1.050 đã giúp VN-Index có diễn biến cân bằng trong 3 phiên đầu tuần, tuy nhiên sau khi thủng mốc này vào phiên ngày 19/04 diễn biến ngắn hạn của thị trường đã xấu đi nhanh chóng. Nỗ lực kiểm định mốc 1.050 tỏ ra yếu ớt trong phiên ngày 20/04 và ngay sau đó VN-Index đã giảm mạnh hơn trong phiên cuối tuần (21/04) khi bên bán tỏ ra mất kiên nhẫn. Chốt tuần chỉ số về mức 1.042,91 để mất 9,98 điểm (-0,95%) so với tuần trước và có tuần giảm điểm thứ 2 liên tiếp.

Kết quả kinh doanh khả quan trong quý 1 đã giúp nhiều cổ phiếu midcap tăng mạnh trong tuần và lọt vào top 10 cổ phiếu ảnh hưởng lớn đến VN-Index. Cụ thể như BMP tăng 18,6% trong tuần giúp VN-Index tăng 0,2 điểm, CTD tăng 20% trong tuần giúp VN-Index tăng 0,2 điểm. Chiều ảnh hưởng tiêu cực dẫn đầu là VPB với mức giảm 5,1% đã kéo VN-Index giảm 1,8 điểm, GAS và VCB là 2 vị trí tiếp theo với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,3 điểm và -1,1 điểm.

Khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng trong tuần với giá trị bán ròng hơn 300 tỷ đồng trên cả 2 sàn. Trong đó MSB bị bán ròng mạnh nhất với giá trị 404 tỷ đồng, VNM đứng thứ 2 với giá trị bán ròng hơn 100 tỷ đồng. Chiều mua ròng, HPG là cổ phiếu được khối này mua vào mạnh nhất với giá trị đạt gần 290 tỷ đồng trong tuần.

Việc để mất ngưỡng MA 20 ngày (1.061) và MA 20 tuần (1.054) và không thể hồi phục trở lại 2 ngưỡng này đã làm triển vọng ngắn hạn và trung hạn của VN-Index xấu đi. Chúng tôi điều chỉnh xu hướng ngắn hạn và trung hạn của chỉ số từ mức Đi ngang xuống Giảm điểm. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index hiện là mức 1.000 – 1.020. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức -5 (TIÊU CỰC). Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,8x.

Phạm Bình Phương Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-1	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

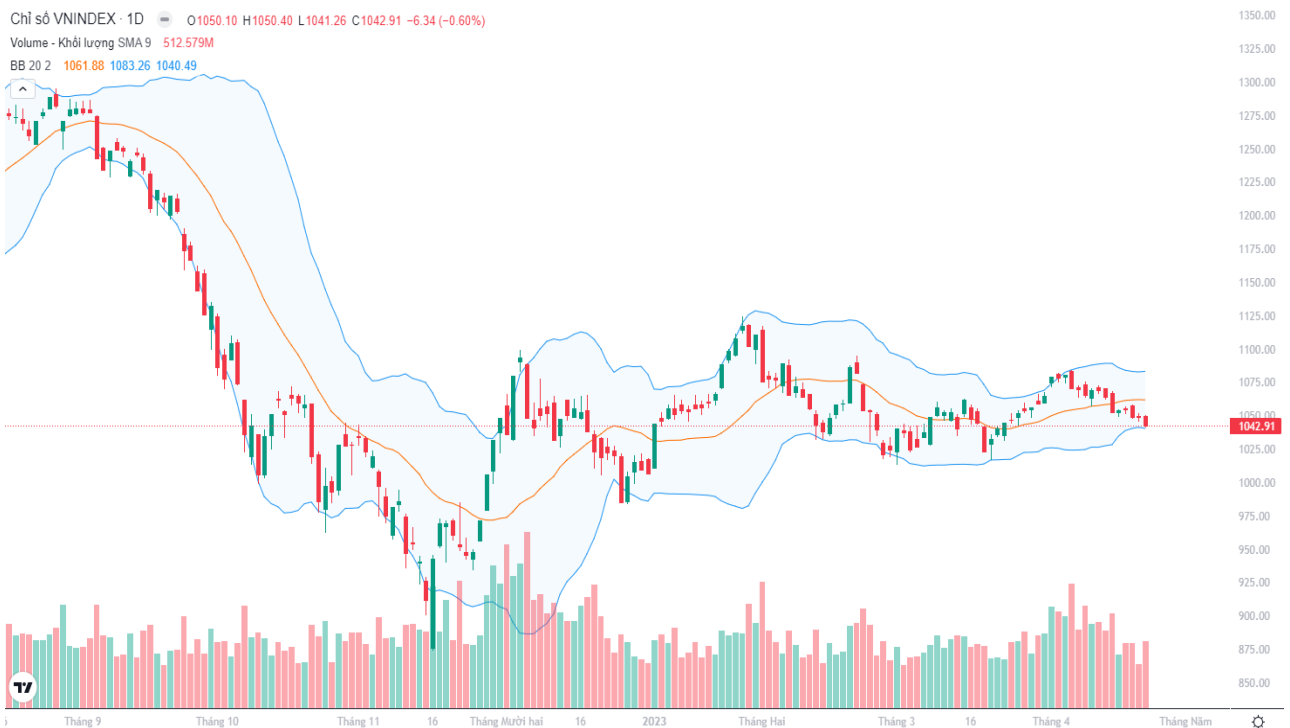
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (20/04/2023)	Kháng cự 1	1.050
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.080
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.020
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.000

VN-Index đã không thể hồi phục trở lại 2 mốc quan trọng là MA 20 ngày (1.061) và MA 20 tuần (1.054) đã kéo diễn biến ngắn hạn và trung hạn rơi về trạng thái Giảm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

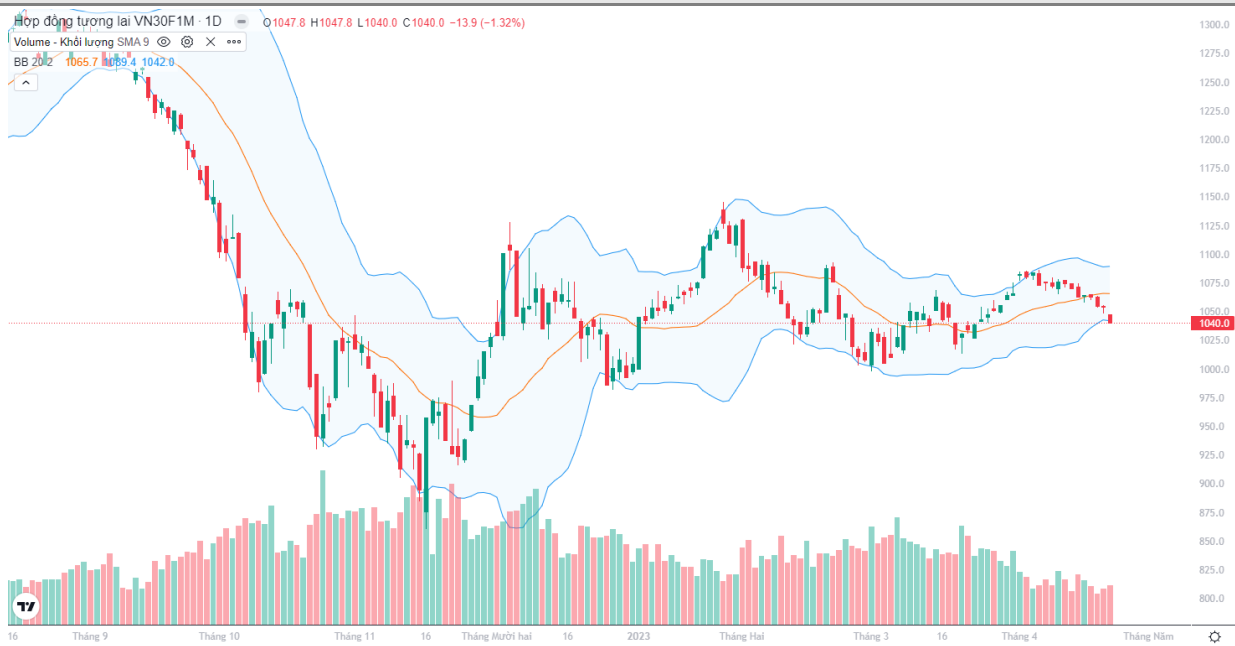
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (20/04/2023)	1.040	Kháng cự 1	1.050
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.100
VN30 – đóng cửa	1.046	Hỗ trợ 1	1.020
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-6.18	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC

Xu hướng ngắn hạn của VN30F1M đang tiêu cực.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GIL	Dệt may	24,600	858,870	100	5	Top sức mạnh ngành
LHG	Khu công nghiệp	24,300	93,875	90	4	
TNG	Dệt may	18,200	1,969,820	90	6	Top sức mạnh ngành
PET	Bán lẻ	25,100	825,895	86	6	
MBS	Chứng khoán	17,600	4,278,095	98	5	
HAX	Phân phối ô tô	19,500	794,180	92	5	
SBT	Thực phẩm	16,350	3,054,450	80	7	
CTD	Xây dựng	55,000	641,040	83	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SBT	16.35	3,054,450	7	KHẢ QUAN	11,007	17.0	1.2	50
TNG	18.2	1,969,820	6	KHẢ QUAN	1,913	6.4	1.2	36
MBS	17.6	4,278,095	5	KHẢ QUAN	9,419	15.5	1.5	75
ORS	12.9	3,368,160	5	KHẢ QUAN	2,580	#N/A N/A	1.1	43
CTD	55	641,040	5	KHẢ QUAN	4,062	195.8	0.5	35
TCM	51.4	567,990	5	KHẢ QUAN	4,212	18.3	2.1	29
CTF	38.45	719,090	5	KHẢ QUAN	2,923	26.5	3.3	28
KDC	63	1,082,600	3	TRUNG TÍNH	16,205	#N/A N/A	2.5	68
DGW	34.45	2,440,450	2	TRUNG TÍNH	5,756	8.1	2.3	84
FTS	29.1	2,704,260	2	TRUNG TÍNH	5,676	30.5	1.7	79
ANV	33.5	1,589,530	2	TRUNG TÍNH	4,460	7.7	1.5	53
BSI	29.7	1,675,440	2	TRUNG TÍNH	5,563	41.6	1.2	50
VHC	61.3	517,010	2	TRUNG TÍNH	11,241	6.8	1.5	32
SAB	170.6	161,745	2	TRUNG TÍNH	109,338	21.4	4.7	28
DBC	15.75	4,895,335	0	TRUNG TÍNH	3,812	718.9	0.8	77
FRT	65.6	1,110,955	0	TRUNG TÍNH	7,772	19.9	3.9	73
EIB	19.25	3,078,515	0	TRUNG TÍNH	28,400	9.6	1.4	59
IDJ	12	4,690,120	0	TRUNG TÍNH	2,082	13.8	1.1	56
APS	13.1	3,020,045	0	TRUNG TÍNH	1,087	#N/A N/A	1.1	40
PLX	36.75	939,680	0	TRUNG TÍNH	46,694	31.7	1.9	35
PVS	24.9	4,253,280	-1	TRUNG TÍNH	11,901	13.5	1.0	106
STB	25.65	18,584,000	-2	TRUNG TÍNH	48,262	9.6	1.2	477
DIG	17.1	22,173,480	-2	TRUNG TÍNH	10,428	72.4	1.4	379
MWG	39.3	2,688,280	-2	TRUNG TÍNH	57,511	13.9	2.4	106
TPB	22.55	3,785,575	-2	TRUNG TÍNH	35,669	5.6	1.1	85
HAG	7.89	10,510,295	-2	TRUNG TÍNH	7,317	6.5	1.5	83
HAH	37.85	1,212,835	-2	TRUNG TÍNH	2,663	3.7	1.2	46
CTS	17.45	2,523,955	-2	TRUNG TÍNH	2,595	35.7	1.4	44

FPT	79.3	553,955	-2	TRUNG TÍNH	86,994	15.6	3.9	44
PNJ	77	569,505	-2	TRUNG TÍNH	25,256	13.4	3.0	44
HDC	32.7	1,318,995	-2	TRUNG TÍNH	3,534	8.7	1.9	43
PAN	18.1	1,772,555	-2	TRUNG TÍNH	3,781	10.1	0.8	32
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
MSN	76.4	1,146,175	-3	TRUNG TÍNH	108,773	30.4	4.2	88
PVD	20.3	3,611,180	-3	TRUNG TÍNH	11,284	#N/A N/A	0.8	73
SSI	21.65	22,208,950	-4	TIÊU CỰC	32,456	14.9	1.4	481
NVL	13.6	28,433,604	-4	TIÊU CỰC	26,521	12.2	0.7	387
VND	15.05	23,560,476	-4	TIÊU CỰC	18,328	15.0	1.3	355
HPG	20.7	16,868,360	-4	TIÊU CỰC	120,366	14.2	1.3	349
VPB	19.45	15,078,360	-4	TIÊU CỰC	130,572	7.1	1.3	293
SHS	10.2	25,733,190	-4	TIÊU CỰC	8,294	42.2	0.9	262
DXG	12.65	17,617,604	-4	TIÊU CỰC	7,717	34.5	0.8	223
CEO	23.4	9,165,180	-4	TIÊU CỰC	6,022	21.6	1.8	214
VCI	31.9	6,123,925	-4	TIÊU CỰC	13,762	26.2	2.0	195
HCM	25.6	6,707,675	-4	TIÊU CỰC	11,705	16.9	1.5	172
KBC	24.5	6,269,735	-4	TIÊU CỰC	18,806	12.3	1.2	154
DGC	52	2,160,595	-4	TIÊU CỰC	19,748	3.7	1.9	112
ACB	24.25	4,557,975	-4	TIÊU CỰC	81,903	6.0	1.4	111
VIC	52.7	1,911,120	-4	TIÊU CỰC	200,994	22.3	1.8	101
VIX	7.75	12,793,225	-4	TIÊU CỰC	4,512	70.9	0.6	99
IDC	38.4	2,425,750	-4	TIÊU CỰC	12,672	7.5	2.6	93
VHM	50.3	1,575,005	-4	TIÊU CỰC	219,025	7.6	1.5	79
NLG	30.5	2,549,105	-4	TIÊU CỰC	11,714	23.6	1.3	78
HQC	4.24	15,720,565	-4	TIÊU CỰC	2,021	107.4	0.5	67
SCR	7.09	7,525,230	-4	TIÊU CỰC	2,805	55.9	0.6	53
TCH	7.36	6,043,785	-4	TIÊU CỰC	4,918	27.5	0.6	44
KDH	28.4	1,509,675	-4	TIÊU CỰC	20,358	19.7	1.8	43
SZC	30.95	1,372,345	-4	TIÊU CỰC	3,095	23.4	2.0	42
GVR	15.1	2,723,215	-4	TIÊU CỰC	60,400	15.7	1.2	41
GMD	52.9	761,460	-4	TIÊU CỰC	15,943	17.4	2.3	40
PVC	15.2	1,852,930	-4	TIÊU CỰC	760	86.4	1.0	28
SHB	11.1	32,870,444	-5	TIÊU CỰC	34,042	4.4	0.8	365
HSG	14.95	13,350,725	-5	TIÊU CỰC	8,941	#N/A N/A	0.9	200
VCG	19.2	9,817,505	-5	TIÊU CỰC	9,329	7.9	1.4	188
MBB	18.05	8,837,060	-5	TIÊU CỰC	81,838	4.7	1.1	160
TCB	28.7	5,194,825	-5	TIÊU CỰC	100,945	5.0	0.9	149
NKG	14.15	9,229,205	-5	TIÊU CỰC	3,725	#N/A N/A	0.7	131
LPB	13.65	9,040,980	-5	TIÊU CỰC	23,602	5.0	0.9	123
BSR	15.7	6,968,815	-5	TIÊU CỰC	48,678	3.3	0.9	109
LCG	11.9	9,135,725	-5	TIÊU CỰC	2,257	12.0	0.9	109
POW	12.8	7,646,375	-5	TIÊU CỰC	29,976	14.5	1.0	98
VIB	20.15	4,625,905	-5	TIÊU CỰC	42,470	5.0	1.3	93
HHV	12.65	7,033,895	-5	TIÊU CỰC	3,894	12.9	0.5	89
CII	14.3	5,347,090	-5	TIÊU CỰC	3,607	5.0	0.7	76
VRE	27.9	2,509,385	-5	TIÊU CỰC	63,398	22.8	1.9	70
KSB	25	2,625,020	-5	TIÊU CỰC	1,907	14.6	1.0	66

HDB	18.8	2,739,925	-5	TIÊU CỰC	47,287	6.1	1.3	52
CTG	28.6	1,761,035	-5	TIÊU CỰC	137,444	8.2	1.3	50
IJC	13	3,811,240	-5	TIÊU CỰC	3,274	7.6	0.9	50
PVT	19.95	2,461,695	-5	TIÊU CỰC	6,441	7.5	1.1	49
BCG	7.68	6,339,830	-5	TIÊU CỰC	4,097	9.9	0.6	49
VCB	87.5	542,770	-5	TIÊU CỰC	414,095	13.8	3.1	47
IDI	11.5	4,094,025	-5	TIÊU CỰC	2,618	4.8	0.8	47
PC1	27.7	1,438,190	-5	TIÊU CỰC	7,491	16.3	1.5	40
BID	44.2	810,730	-5	TIÊU CỰC	223,587	12.3	2.2	36
HUT	15.5	2,094,490	-5	TIÊU CỰC	5,404	37.4	1.4	32
HDG	30.85	1,034,960	-5	TIÊU CỰC	7,546	6.9	1.4	32
VPI	54.2	578,410	-5	TIÊU CỰC	13,116	23.8	3.7	31
FCN	11.1	2,418,830	-5	TIÊU CỰC	1,748	44.1	0.7	27
GAS	95.4	267,715	-5	TIÊU CỰC	182,591	12.4	3.1	26
PLC	31.5	782,000	-5	TIÊU CỰC	2,545	21.8	2.1	25
GEX	12.7	9,593,065	-6	TIÊU CỰC	10,814	29.3	0.9	122
L14	48.2	526,930	-6	TIÊU CỰC	1,487	#N/A N/A	3.7	25
LDG	4.07	6,106,045	-6	TIÊU CỰC	1,043	274.1	0.3	25
PDR	13	8,616,930	-7	TIÊU CỰC	8,731	9.8	1.1	112
VNM	70.9	1,049,915	-7	TIÊU CỰC	148,178	19.5	5.0	74
DCM	23.8	2,917,340	-7	TIÊU CỰC	12,600	3.1	1.2	69
DPM	33.7	1,948,380	-7	TIÊU CỰC	13,188	2.4	1.0	66

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật**Mỹ: Giá nhà giảm mạnh nhất 11 năm nhưng vẫn ế vì lãi suất vay thế chấp quá cao**

Trong tháng 3, giá nhà ở tại Mỹ giảm 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Với mức giá trung bình 400.528 USD, đây là tháng giảm mạnh nhất trong 11 năm gần đây, theo công ty bất động sản Redfin.

Giá giảm mạnh nhất tại các thị trấn từng bùng nổ trong thời kỳ đại dịch và vùng vịnh San Francisco. Cuộc khủng hoảng ngân hàng tháng trước cũng khiến những người mua nhà lo lắng. Họ vốn đang phải đối mặt với lãi suất thế chấp ngày càng tăng và lượng tồn kho quá thấp.

“Thường thì mùa thu mới là thời điểm tôi bận rộn nhất, nhưng tháng 3 vừa qua mọi thứ im ắng đến đáng sợ sau sự kiện ngân hàng Silicon Valley sụp đổ”, Sauna Pendleton, môi giới của Redfin ở Boise, Idaho nói. “Lực mua vừa mới nhen nhóm đã bị triệt tiêu gần như hoàn toàn, và chúng tôi đang quay trở lại thời điểm năm ngoái, khi lãi suất bắt đầu tăng vọt. Có 1 nỗi sợ rằng mọi thứ có thể sụp đổ”.

Giá nhà tại Boise giảm mạnh nhất (15,4%), theo sau là Austin (13,7%), Sacramento (11,9%), San Jose (10,5%) và Oakland (9,7%).

Tất nhiên giá đang “quay trở lại mặt đất” sau khi tăng mạnh trong suốt mấy năm gần đây. Ví dụ, giá nhà ở Boise đã tăng kỷ lục 40,9% trong tháng 5/2021, khi lãi suất thế chấp siêu thấp. Với mức giá cả hợp lý, vùng này được hưởng lợi từ xu hướng làm việc từ xa. Trong tháng đó giá nhà trên toàn quốc chỉ tăng 26%.

Nhưng kể từ đó đến nay lãi suất thế chấp đã tăng mạnh sau khi Fed tăng lãi suất nhiều lần. Dù đã hạ nhiệt so với mức đỉnh 7% lập năm ngoái, trung bình lãi suất cố định của khoản vay thế chấp kỳ hạn 30 năm là 6,54%, so với mức 4,17% của 1 năm trước.

Nguồn: cafef.vn

Quan chức Fed cảnh báo lạm phát 'vẫn còn quá cao'

Theo Reuters, ông John C. Williams, Chủ tịch Fed chi nhánh New York, phát biểu hôm 19/3: “Lạm phát vẫn còn quá cao, và chúng tôi sẽ sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ để phục hồi sự ổn định của giá cả”.

Ông Williams, người hiện cũng đang giữ chức Phó Chủ tịch của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC), không đưa ra quan điểm về tương lai của chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, ông cho biết những dự báo gần đây của Fed đã hướng đến khả năng thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa để hạ lạm phát. Ông cũng không phản bác lại những kỳ vọng của thị trường về việc Fed sẽ điều chỉnh lãi suất như thế nào.

Fed đã nâng lãi suất với tốc độ chóng mặt trong năm vừa qua. Trong cuộc họp cuối tháng 3/2023, ngân hàng trung ương này đã tăng lãi suất mục tiêu thêm 25 điểm cơ bản (bps) lên khoảng 4,75% - 5%. Thị trường kỳ vọng rằng Fed sẽ thắt chặt thêm 25 bps nữa vào cuộc họp đầu tháng 5, rồi sau đó giữ nguyên lãi suất trong phần còn lại của năm.

Ông Williams lưu ý rằng lạm phát đã hạ nhiệt, dù vẫn ở mức cao. Ông kỳ vọng rằng tỷ lệ lạm phát tính theo chỉ số PCE - thước đo giá cả ưa thích của Fed - sẽ giảm xuống 3,25% trong năm nay, và đạt mục tiêu 2% trong vòng hai năm tới. Vào tháng 2/2023, chỉ số này tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: vietnambiz.vn

Nhà đầu tư dùng margin dè dặt, dư nợ cho vay tại các công ty chứng khoán chỉ nhích nhẹ sau quý đầu năm

Sau nhịp hồi nhanh và mạnh từ đáy dài hạn, thị trường chứng khoán đã chững lại và gần như đi ngang từ đầu năm 2023. Giao dịch ảm đạm bao trùm thị trường trong phần lớn thời gian của quý đầu năm, thậm chí nhiều thời điểm giá trị khớp lệnh trên HoSE rơi xuống dưới 6.000 tỷ đồng, thấp nhất kể từ tháng 11/2020.

Một trong những yếu tố khiến thị trường ảm đạm là nhu cầu sử dụng đòn bẩy margin của nhà đầu tư còn rất hạn chế. Sau khi giảm mạnh trong quý 4 năm ngoái xuống mức thấp nhất 7 quý, dư nợ cho vay tại các công ty chứng khoán chỉ nhích nhẹ sau quý đầu năm nay, ước tính vào khoảng 123.000 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ margin ước tính vào khoảng 118.000 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ 3.000 tỷ so với cuối năm 2022, còn lại là ứng trước tiền bán.

NHNN ra dự thảo Thông tư về cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ, gỡ khó cho doanh nghiệp

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa công bố dự thảo Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh.

Bảy điều kiện để được cơ cấu thời hạn trả nợ

Dự thảo Thông tư nêu rõ: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và đáp ứng đầy đủ 7 điều kiện.

Thứ nhất, khoản nợ phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.

Thứ ba, được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

Thứ 4, khách hàng được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ khi được cơ cấu lại.

Thứ 5, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.

Thứ 6, thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) được xác định phù hợp với mức độ khó khăn trong sản xuất kinh doanh của khách hàng, không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thứ 7, việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo Thông tư này được thực hiện từ ngày Thông tư có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.

Nguồn: vietnambiz.vn

3 giải pháp "gỡ" thị trường trái phiếu, khơi thông vốn cho ngành bất động sản

Theo nhóm tác giả của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn và bất định, kinh tế Việt Nam năm 2022 đã đạt mức tăng trưởng vượt trội hậu Covid-19, lạm phát và kinh tế vĩ mô về cơ bản là ổn định. Tuy nhiên, một số vấn đề của nền kinh tế vẫn còn tồn tại, đặc biệt là sự lạnh mạnh của hệ thống tài chính tiền tệ chưa được cải thiện. Mà một trong những điểm nghẽn có mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống tài chính tiền tệ, là thị trường bất động sản, còn nhiều rủi ro bất ổn và chưa được phát triển một cách bền vững.

Trước sự kiện công bố báo cáo, GS. TS Tô Trung Thành, đồng Chủ biên ấn phẩm, Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã chia sẻ góc nhìn của nhóm nghiên cứu về những giải pháp cấp bách nhất đối với việc phục hồi thị trường bất động sản.

Cụ thể, nhóm nghiên cứu khuyến nghị 3 nhóm giải pháp để ổn định và phát triển thị trường bất động sản bao gồm: (1) hoàn thiện hệ thống pháp luật; (2) điều chỉnh cung - cầu và gia tăng tính minh bạch thông tin và (3) khơi thông nguồn vốn cho thị trường BĐS.

Trong đó, ông Tô Trung Thành cho rằng, việc khơi thông nguồn vốn hiện đang là quan trọng nhất: 'Giống như người đang bị ốm, thì cần phải tiếp sức trước. Còn các giải pháp liên quan đến thể chế, pháp luật là dài hạn cần làm để phát triển bền vững, đồng thời bên cạnh đó là giải quyết câu chuyện cân bằng cung cầu'.

Nguồn: cafef.vn

Doanh thu từ bất động sản, vật liệu xây dựng giảm mạnh, Viglacera (VGC) báo lợi nhuận quý 1 giảm 80% so với cùng kỳ

Tổng Công ty Viglacera – CTCP (HoSE: VGC) vừa công bố báo cáo tài chính quý I/2023 với doanh thu thuần đạt 2.775 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Trừ đi giá vốn, lợi nhuận gộp Viglacera đạt 666 tỷ đồng, giảm 52% so với cùng kỳ, biên lợi nhuận gộp thu hẹp về 24%.

Công ty cho biết trong kỳ doanh thu mảng kinh doanh nhà ở thương mại quý I/2023 của công ty bị sụt giảm mạnh so với cùng kỳ, cùng với đó, lĩnh vực vật liệu xây dựng cũng gặp khó khăn trong công tác tiêu thụ, giá bán và sản lượng tiêu thụ giảm gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Trong quý đầu năm, doanh thu từ bán hàng hoá bất động sản của Viglacera giảm mạnh xuống chỉ còn hơn 43 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ đạt gần 570 tỷ đồng. Doanh thu từ bán các sản phẩm VLXD như kính, gương giảm 48%, bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện giảm 34%, bán gạch, ngói giảm 30%.

Ngược lại, doanh thu từ sản phẩm gạch ốp lát có tăng nhưng mức tăng cũng tương đối thấp, chỉ tăng 23 tỷ đồng so với cùng kỳ, doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng tăng 163 tỷ đồng.

Viglacera đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 16.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.300 tỷ đồng, như vậy, sau quý 1, công ty đã hoàn thành được 17,3% kế hoạch doanh thu và 11,7% kế hoạch lợi nhuận.

Mới đây, Bộ Xây dựng vừa có văn bản gửi Bộ Tài chính dự kiến nguồn thu từ bán vốn nhà nước nộp về ngân sách Nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021 - 2025.

Trong năm nay, Bộ Xây dựng lên kế hoạch thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Viglacera dự kiến thu về hơn 5.800 tỷ đồng.

Nguồn: cafef.vn

ĐHĐCĐ Thép Nam Kim (NKG): May mắn nhất là đã quân bình được giá hàng tồn về mức an toàn, không ưu tiên xuất qua Mỹ dù giá HRC Mỹ đã hơn 1.000 USD/tấn

Sáng ngày 21/4/2023, CTCP Thép Nam Kim (NKG) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, thông qua mục tiêu tổng doanh thu 20.000 tỷ đồng, giảm 13,5% và kế hoạch lợi nhuận trước thuế 400 tỷ đồng, cải thiện đáng kể khi năm trước lỗ trước thuế 107 tỷ.

Ban lãnh đạo NKG đánh giá, năm 2023 là thời điểm để củng cố lại các mối quan hệ đối với đối tác trong và ngoài nước cũng như ổn định tình hình tài chính. Trải qua những giai đoạn hết sức khó khăn trong quá khứ, NKG cho rằng thị trường năm nay sẽ chưa thực sự thuận lợi để tăng trưởng nhưng những gì khó khăn nhất đã qua.

Năm nay, những biến động giá nguyên liệu đầu vào, chất đốt... vẫn rất khó lường; rủi ro về lạm phát tăng cao khiến nhu cầu về xây dựng suy giảm. Kinh tế thế giới đối diện với khủng hoảng khi lãi suất tăng mạnh, các dự án triển khai ngày một ít đi trong khi chi phí lãi vay toàn cầu tăng mạnh. Trong khi đó, mức độ cạnh tranh ngày càng lớn, đặc biệt là các sản phẩm về tôn mạ và ống thép.

Về thị trường nội địa, NKG đánh giá sẽ khó khởi sắc khi các dự án bất động sản năm 2023 dự kiến tiếp tục chìm trong khó khăn trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Ngoài ra, nguồn vốn FDI cũng sẽ dự kiến tăng trưởng chậm hơn dự kiến do ảnh hưởng của việc mất giá tiền tệ diễn ra trên toàn cầu.

Nguồn: cafef.vn

Dược Hậu Giang lãi kỷ lục 361 tỷ đồng quý I, tiền mặt chiếm một nửa tài sản

CTCP Dược Hậu Giang (Mã: DHG) vừa công bố BCTC quý I/2023 với doanh thu thuần đạt 1.229 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 47% lên 50%.

Trong kỳ, chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp cùng tăng 13%, đạt lần lượt 188 tỷ đồng và 69 tỷ đồng. Trừ hết chi phí, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 361 tỷ đồng, tăng 42% so với quý I/2022.

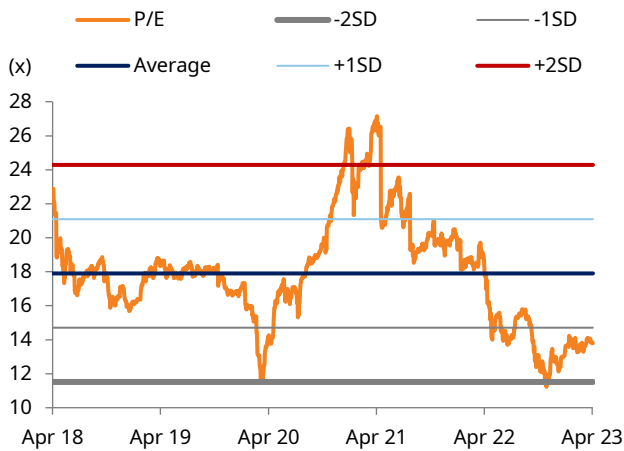
Dược Hậu Giang cho biết ba tháng đầu năm, công ty tập trung bán các sản phẩm chiến lược và chủ lực như kháng sinh, giảm đau hạ sốt. Đồng thời gia tăng dự trữ nguyên liệu và tổ chức chặt chẽ hệ thống phân phối khiến doanh thu, lợi nhuận được cải thiện.

Năm 2023, công ty đặt mục tiêu 5.000 tỷ đồng doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế là 1.130 tỷ đồng. Với 391 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, Dược Hậu Giang đã hoàn thành 35% chỉ tiêu lợi nhuận, 25% kế hoạch doanh thu.

Tổng tài sản của Dược Hậu Giang đạt 5.503 tỷ đồng tại ngày 31/3, tăng 6% so với đầu năm. Khoản tiền, tiền gửi có kỳ hạn khoảng 2.538 tỷ đồng, chiếm 48% tổng tài sản.

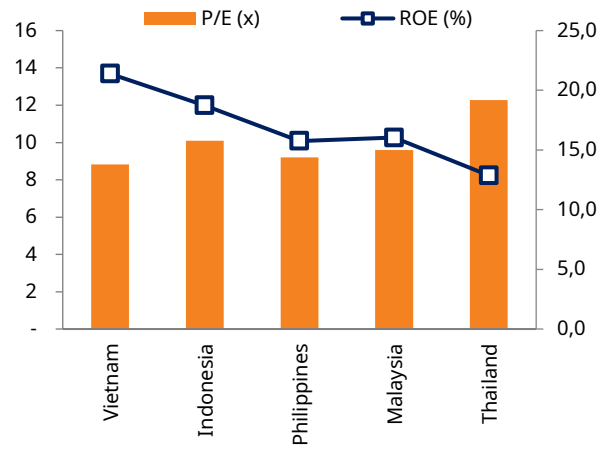
Nguồn: vietnambiz.vn

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



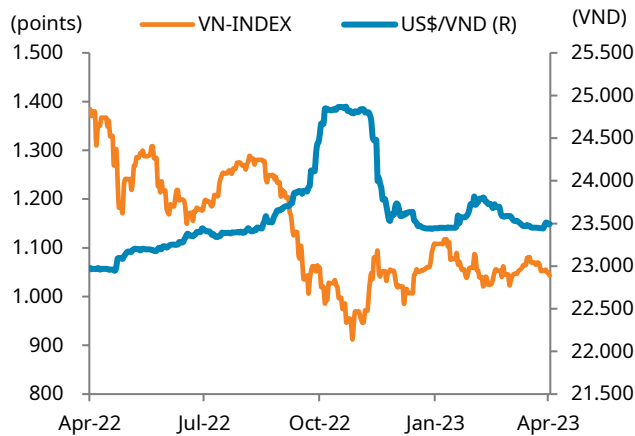
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



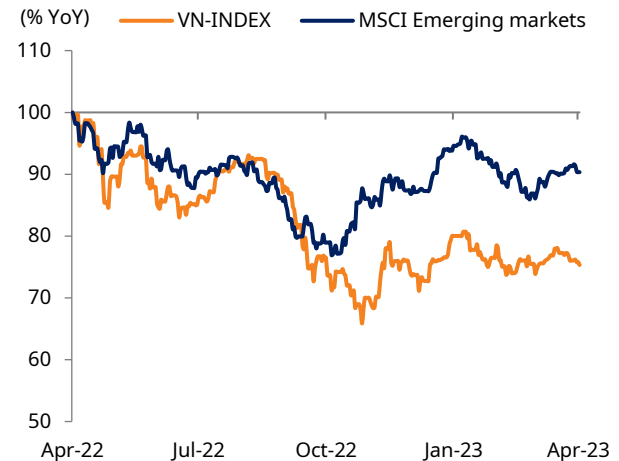
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



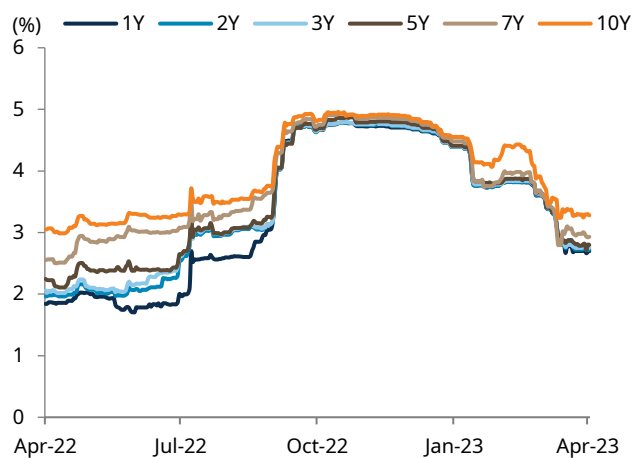
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



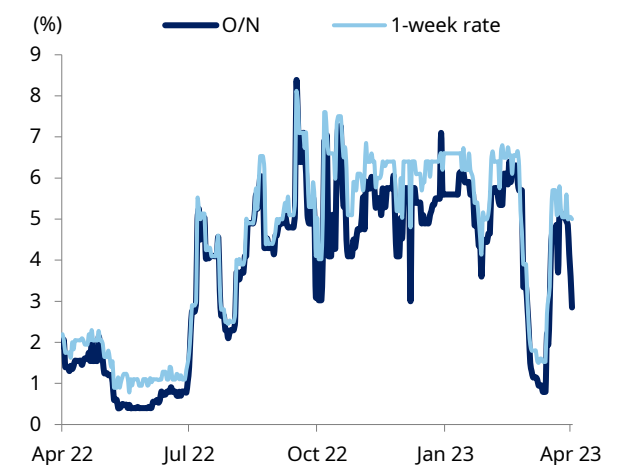
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,185,701	1,042.91	1,392.89	873.78	-0.6	-0.9	1.0	-23.9	13.8	1.7	13.7		
VN30 Index		3,037,030	1,046.18	1,455.15	863.31	-0.7	-1.6	1.1	-26.7	10.9	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	81,903	24,250	26,500	17,450	0.0	-2.8	0.2	-3.8	6.0	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	223,587	44,200	48,000	28,000	-0.9	-0.6	-2.5	14.8	12.3	2.2	19.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	137,444	28,600	31,250	19,500	-0.5	-1.7	1.1	-1.4	8.2	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	47,287	18,800	21,800	13,050	-2.1	-3.6	8.0	-5.6	6.1	1.3	23.5	19.5	0.7
MBBank	MBB VN	81,838	18,050	25,667	13,200	-0.6	-1.4	4.0	-27.8	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	48,262	25,600	29,000	14,050	-0.4	-0.4	4.1	-7.4	9.6	1.2	13.8	26.1	3.9
Techcombank	TCB VN	100,945	28,700	44,750	19,300	-0.5	-0.7	8.9	-34.2	5.0	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	35,669	22,550	36,300	18,300	0.7	-2.8	4.4	-35.2	5.6	1.1	20.9	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	414,095	87,500	96,300	62,000	-0.9	-1.0	1.2	11.6	13.8	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	42,470	20,150	32,222	16,200	-1.2	-3.1	-2.9	-35.2	5.0	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	130,572	19,450	24,800	13,650	0.5	-5.1	-4.4	-17.8	7.1	1.3	20.7	17.5	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	32,456	21,650	34,588	13,050	2.6	2.1	8.3	-36.1	14.9	1.4	9.3	N/A	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	34,778	46,850	68,400	41,200	-0.3	-2.4	-4.4	-29.5	22.4	1.7	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	81,869	79,100	101,800	58,200	-0.4	-0.3	-3.5	8.4	58.3	4.8	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	26,521	13,600	86,800	10,050	-5.6	-4.2	23.1	-83.0	12.2	0.7	6.0	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	8,731	13,000	66,200	9,940	-3.0	-3.0	12.1	-79.5	9.8	1.1	11.3	2.8	46.2
Vinhomes JSC	VHM VN	219,025	50,300	71,200	39,400	-0.8	0.6	10.8	-21.4	7.6	1.5	21.4	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	200,994	52,700	80,500	49,700	0.2	-0.4	-0.2	-32.0	22.3	1.8	8.4	12.9	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	63,398	27,900	31,650	21,400	-1.4	-2.4	-5.3	-8.5	22.8	1.9	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	57,511	39,300	79,000	35,250	-2.7	-1.8	2.1	-49.5	13.9	2.4	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	108,773	76,400	125,000	69,100	-2.1	-2.2	-4.6	-37.9	30.4	4.2	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	109,338	170,500	203,000	149,000	0.0	2.1	-8.3	0.5	21.4	4.7	23.6	62.5	37.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	148,178	70,900	85,600	64,500	-1.4	-2.6	-4.7	-5.5	19.5	5.0	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,694	36,750	51,700	22,950	0.8	0.7	5.9	-26.9	31.7	1.9	5.8	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	60,400	15,100	32,950	9,300	-0.3	-1.3	4.5	-50.5	15.7	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,366	20,700	33,923	11,800	-0.5	0.2	1.2	-37.9	14.2	1.3	9.1	23.5	25.5
FPT Corp	FPT VN	86,994	79,300	98,000	61,300	-0.1	-0.4	1.5	-15.0	15.6	3.9	26.6	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	52,807	97,500	142,200	94,000	-2.0	-1.0	-6.1	-28.6	N/A	3.5	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	182,591	95,400	134,000	92,600	-0.6	-2.8	-7.6	-9.1	12.4	3.1	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	29,976	12,800	16,400	8,910	-2.7	-2.3	-3.0	-3.8	14.5	1.0	7.0	7.7	41.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thận trọng và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.